TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1492/2018/LĐ-ST
Ngày: 25-10-2018
V/v Tranh chấp bồi thường thiệt hại.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Châu

Bà Trần Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/10/2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 03/TLST-LĐ ngày 19 tháng 07 năm 2013, về việc: "Tranh chấp bồi thường thiệt hại".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 4761/2018/QĐ-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trường T

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông D, chức vụ: Hiệu trưởng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Đường A1, Phường B1, Quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền số 1493/TĐT-GUQ ngày 10/8/2018 của Hiệu trưởng Trường T).

- *Bị đơn:* Ông L, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Ireland

Người đại diện theo ủy quyền: Bà E, sinh năm 1972 (Theo Văn bản ủy quyền số 022654 ngày 21/12/2015 do Văn phòng công chứng G chứng nhận).

Địa chỉ liên lạc: Đường A2, Phường B2, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư H là Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư X, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:*

1. Ông T, sinh năm 1982

Thường trú: Đường A3, Phường B3, Quận C3, thành phố Hà Nội.

Tạm trú: Đường A4, Phường B4, Quận C4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Trường T, Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông D, sinh năm 1981

Thường trú: Đường A5, Phường B5, Quận C5, tỉnh Quảng Ngãi.

Tạm trú: Đường A6, Phường B6, Quận C6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Trường T, Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 05/6/2013, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 04/4/2014, biên bản hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/9/2005 Trường T (sau đây sẽ được gọi tắt là Trường) ký kết với ông L hợp đồng lao động không xác định thời hạn từ ngày 01/9/2005; chức vụ và công việc phải làm là Giảng viên cơ hữu khoa Kỹ thuật công trình; hệ số lương 2,67, bậc 2/9, mã A1, phụ cấp lương sẽ tính theo quy định hiện hành của Trường đối với giảng viên cơ hữu.

Ngày 06/9/2007 ông L có làm đơn xin đi học gửi đến Trường để xin đi học Tiến sỹ tại Trường Đại học Dublin, Cộng hoà Nam Ireland; thời gian học 3 năm, từ 15/9/2007 đến 31/8/2010; kinh phí: theo học bổng nghiên cứu của Trường Đại học Dublin và đã được Trường đồng ý bằng việc ra Quyết định số 669/TĐT-TCNS ngày 11/9/2007. Học bổng này là do Trường Đại học Dublin có liên kết với Trường T nên chỉ dành cho Giảng viên của Trường T. Trong thời gian 3 năm này Trường vẫn đóng đầy đủ các khoản tiền bảo hiểm cho ông L, vẫn trả lương cho ông L theo lương cơ bản.

Ngày 10/9/2007 ông L làm Bản cam kết đến Trường với nội dung:

1. Chấp hành nghiêm túc quy chế quản lý lưu học sinh ở nước ngoài, quyết định cho phép đi học nước ngoài của Trường. Không chuyển trường hoặc thay đổi khóa học, chương trình đào tạo nếu chưa được phép của Trường.

2. Sau khi tốt nghiệp trở về nước ngay và tiếp tục làm việc cho Trường ít nhất gấp 02 lần thời gian khóa học.

3. Tiếp tục đóng BHXH trong thời gian đi học nước ngoài.

4. Nếu không thực hiện đúng cam kết thì chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xử lý cán bộ theo quy định của Pháp lệnh cán bộ công chức, Bộ luật lao động, quy định của nhà trường và bồi hoàn các khoản chi phí theo quy định của trường.

Ngày 31/8/2010 ông L làm đơn xin gia hạn thời gian nghiên cứu thêm một năm nữa, là đến 31/8/2011 và đã được Trường đồng ý bằng việc ra Quyết định số 936/QĐ-TCHC ngày 09/9/2010, tuy nhiên Trường cũng quyết định không cho ông L hưởng lương cơ bản từ 01/9/2010. Hết thời hạn được Trường cho

phép (qua ngày 31/8/2011) ông L đã không trở về làm việc cho Trường như cam kết.

Ngày 08/02/2012 ông L có gửi đơn đến Trường, thông báo mình đã hoàn tất nghiên cứu Tiến sỹ và xin gia hạn đến ngày 01/5/2013 để hoàn thành dự án hợp tác nghiên cứu, toàn bộ kinh phí cho quá trình nghiên cứu sẽ do nơi ông L hợp tác cung cấp.

Trường không đồng ý với việc ông L tự ý đi nghiên cứu sau tiến sỹ và không thực hiện theo đúng cam kết với Trường, nên ngày 13/12/2012 Trường ban hành Quyết định số 1488/2012/TĐT-QĐKL về việc thi hành kỷ luật viên chức đối với ông L, hình thức buộc thôi việc.

Ngày 06/01/2013 ông L đã nộp đơn xin nghỉ việc cho Trường, lý do là ông muốn nghỉ ngơi và dành thời gian cho gia đình, ngày nghỉ là từ 01/3/2013.

Ngày 07/06/2013 Trường đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu Tòa án xét xử và buộc ông L phải bồi thường các thiệt hại đã gây ra cho Trường do vi phạm nghĩa vụ đã cam kết; cụ thể yêu cầu ông L phải trả:

1. Số tiền lương và các khoản bảo hiểm Trường đã đóng cho ông L trong suốt quá trình đi học nước ngoài của ông L là: 31.231.043 đồng. Mức lương dùng làm căn cứ đóng Bảo hiểm xã hội thay đổi theo từng giai đoạn (Theo bảng kê tiền lương cơ bản của ông L đính kèm theo), tháng 7/2010 và tháng 8/2010 tiền lương đóng Bảo hiểm xã hội lần lượt là 2.551.350đ và 1.456.350 đồng.

2. Tổng số tiền lương, bảo hiểm và các khoản khác nhà trường phải trả cho một nhân sự khác (bà Lê Thị Hạnh và ông T) làm thay công việc của ông L trong thời gian ông đi học là: 139.007.233 đồng (Theo bảng tính đính kèm Tờ trình ngày 18/04/2013 về việc thu tiền bồi hoàn của ông L).

3. Hậu quả ông L gây ra còn có: nhà trường phải tìm kiếm nhân sự khác để đào tạo thay thế ông L trong thời gian tới; gây tâm lý không ổn định trong cán bộ giáo viên, tạo ảnh hưởng không tốt đối với môi trường làm việc của Trường, ảnh hưởng đến tư tưởng công tác của cán bộ giáo viên Khoa. Với hậu quả này, Trường yêu cầu bồi thường số tiền là 200.000.000 đồng.

4. Ông L tự ý nghỉ việc, vi phạm hợp đồng làm việc và cam kết với nhà trường đã làm mất thời gian, công sức, ảnh hưởng đến công việc của các bộ phận có liên quan; đồng thời gây tổn thất kinh phí của Trường trong việc thực hiện thủ tục, hồ sơ để giải quyết vụ việc. Với hậu quả này, Trường yêu cầu bồi thường số tiền là 100.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền ông L phải bồi thường cho Trường là 470.238.276đ (bốn trăm bảy mươi triệu, hai trăm ba mươi tám ngàn, hai trăm bảy mươi sáu đồng).

Ngày 04/4/2014, Trường T có Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Theo đó Trường rút lại yêu cầu ông L bồi thường tiền Đào tạo nhân sự thay thế trong thời gian đi học; tiền bồi thường do việc tự ý nghỉ việc của ông L gây ra tâm lý không ổn định trong các cán bộ giáo viên, làm nhà trường tốn công sức, thời gian, tiền bạc theo đuổi vụ kiện (yêu cầu 03 và 04 trong đơn khởi kiện ngày 07/06/2013). Ngoài ra Trường còn yêu cầu (bổ sung) ông L bồi thường thêm khoản tiền lương ứng với 94 tháng làm việc do ông L cam kết sau khi học xong sẽ làm cho Trường khoảng thời gian đó. Tóm lại, Trường yêu cầu ông L trả các khoản sau:

1. Số tiền lương và các khoản bảo hiểm Trường đã đóng cho ông L trong suốt quá trình đi học nước ngoài của ông L là: 31.231.043đ. Mức lương dùng làm căn cứ đóng Bảo hiểm xã hội thay đổi theo từng giai đoạn (Theo bảng kê tiền lương cơ bản của ông L đính kèm theo), tháng 7/2010 và tháng 8/2010 tiền lương đóng Bảo hiểm xã hội lần lượt là 2.551.350đ và 1.456.350đ.

2. Tổng số tiền lương, bảo hiểm và các khoản khác nhà trường phải trả cho một nhân sự khác (bà Lê Thị Hạnh và ông T) làm thay công việc của ông L trong thời gian ông đi học là: 139.007.233đ (Theo bảng tính đính kèm Tờ trình ngày 18/04/2013 về việc thu tiền bồi hoàn của ông L).

3. Tại Bản cam kết ngày 10/09/2007 trước khi đi học Tiến sĩ tại Trường đại học Dublin, Cộng hòa Nam Ireland, ông L đã cam kết rằng: Sau khi tốt nghiệp trở về nước ngay và tiếp tục làm việc cho Trường ít nhất gấp hai lần thời gian khóa học. Thời gian khóa học của ông L được tính từ ngày 15/9/2007 – 31/08/2011, tổng cộng 47 tháng nên theo cam kết, ông L phải làm việc cho Trường trong khoảng thời gian ít nhất là 94 tháng tính từ thời gian tốt nghiệp. Tuy nhiên, vì ông L đã không thực hiện đúng cam kết đã ký nên Trường phải thuê một nhân sự khác thực hiện công việc thay cho ông L. Do đó, căn cứ vào khoản 1, Điều 304 Bộ luật dân sự, Trường yêu cầu ông L phải bồi thường số tiền mà Trường sẽ phải trả cho nhân sự thay thế - có trình độ tương đương - thực hiện phần công việc mà ông L đã không thực hiện theo cam kết. Tổng số tiền lương cho 94 tháng làm việc còn lại mà ông L phải thực hiện nhưng vì không thực hiện nên trường phải trả cho một nhân sự khác thay thế: 94 tháng x 13.284.000đ/tháng (lương 01 tháng Trường phải trả cho 01 giảng viên có trình độ tương đương với ông L) = 1.248.696.000đ.

Như vậy tổng số tiền ông L phải bồi thường cho Trường là 1.418.934.276đ (Một tỷ, bốn trăm mười tám triệu, chín trăm ba mươi bốn ngàn, hai trăm bảy mươi sáu đồng).

Theo nội dung của các bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông L có người đại diện theo ủy quyền là bà Lữ Thị Bạch L trình bày:

Ngày 14/9/2005 ông L và Trường T (sau đây gọi là Trường) có ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn từ ngày 01/9/2005; chức vụ và công việc phải làm là Giảng viên cơ hữu khoa Kỹ thuật công trình; hệ số lương 2,67, bậc 2/9, mã A1, phụ cấp lương sẽ tính theo quy định hiện hành của Trường đối với giảng viên cơ hữu.

Ngày 11/7/2007 Trường ban hành Quyết định số 669/TĐT-TCNS chấp nhận cho ông L đi học nước ngoài theo học bổng của Trường đại học Dublin (Cộng hòa Ai-len), thời gian học 03 năm, từ 13/9/2007 đến 31/8/2010. Đây là học bổng do ông L tự kiếm được, kinh phí đi học nước ngoài: tự túc.

Trước khi đi học nước ngoài, ông L có ký bản cam kết ngày 06/9/2007 và bản cam kết ngày 10/9/2007 theo mẫu của Trường.

Trong thời gian đi học ông L không nhận lương.

Ngày 09/9/2010 ông L được Trường gia hạn thời gian học đến ngày 31/8/2011 theo Quyết định số 936/QĐ-TCHC. Trong khoảng thời gian 1 năm xin gia hạn thêm này ông L cũng không nhận lương và phụ cấp.

Ngày 27/10/2011 ông L gửi Báo cáo kết quả học tập qua mail cho ông Lê Đức Hiển (Trợ lý Trưởng khoa Kỹ thuật công trình) và thông báo sẽ tiếp tục làm nghiên cứu để hoàn thiện phần còn lại, dự kiến kết thúc ngày 30/4/2012.

Ngày 08/2/2012 ông L gửi Trường Đơn xin gia hạn đến ngày 01/5/2013 và Thông báo kết quả học tập, lý do gia hạn là ông cần thêm thời gian để thực hiện dự án hợp tác nghiên cứu với phía nước ngoài.

Tuy nhiên ngày 13/12/2012 Trường ban hành Quyết định số 1488/2012/ TĐT-QĐKL buộc thôi việc ông L.

Nay trước yêu cầu bồi thường thiệt hại của Trường, ông L có ý kiến như sau:

Đối với yêu cầu thứ nhất, ông L hoàn toàn không nhận bất kỳ một khoản tiền lương nào của Trường trong thời gian ông L đi học, còn tiền BHXH Trường đã đóng cho ông L, nếu Trường có đủ chứng từ chứng minh cho số tiền đã đóng thì ông L sẽ hoàn trả lại.

Đối với yêu cầu thứ hai, việc nguyên đơn phải chi trả lương cho nhân sự làm công tác giảng dạy thay cho ông L trong thời gian ông L đi học, ông L không đồng ý chi trả số tiền này. Vì đây là trách nhiệm của nguyên đơn. Việc giảng dạy của ông L không phải là miễn phí đối với Trường để từ đó Trường yêu cầu ông L phải tự bỏ tiền túi ra (thay Trường) thanh toán cho người dạy thay trong thời gian đi học, và cả thời gian sau này (khi đó ông L đã bị Trường buộc thôi việc).

Đối với yêu cầu thứ ba, ông L không hề cam kết việc bồi thường số tiền 1.248.696.000đ như phía nguyên đơn yêu cầu. Việc nguyên đơn viện dẫn khoản 1 Điều 304 Bộ luật dân sự để yêu cầu ông L phải bồi thường là không phù hợp, vì nguyên đơn đã buộc thôi việc ông L từ ngày 13/12/2012 (Quyết định số 1488/2012/TĐT-QĐKL) mà không hề yêu cầu ông L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ giảng dạy. Nay nguyên đơn yêu cầu bồi thường thời gian làm việc (trong tương lai) với người đã bị chính nguyên đơn buộc thôi việc là mâu thuẫn và không có căn cứ.

Đối với khoản tiền lương mà ông L được Trường trả trong thời gian đi học như lời trình bày của nguyên đơn (hiện tại Trường đang giữ số tiền này) ông

L không có yêu cầu Trường phải trả lại. Vì ông L cho rằng, khoảng thời gian đó thực tế ông không đi làm nên ông sẽ không nhận lương. Ông L cũng khẳng định là không hề nhờ người nhà đến Trường nhận thay lương cho ông.

Tại bản tự khai ngày 23/7/2015, người làm chứng là ông D trình bày:

Ông D vào Trường T từ ngày 01/6/2006 với chức vụ là nhân viên văn phòng TN Xây dựng tổng hợp. Trong thời gian từ tháng 06 đến tháng 09 năm 2008 ông D được trưởng khoa nhờ nhận tiền từ phòng tài chính về để chi trả cho các giảng viên, riêng trường hợp thầy L thì có người nhà đến nhận thay, lúc giao tiền không có ký nhận do tin tưởng các thầy cô trong khoa.

Từ thời điểm giao tiền cho đến nay đã quá lâu nên ông D không nhớ đã giao cho người nhà ông L bao nhiêu tiền và người nhà của ông L tên gì, chỉ nhớ đó là em gái của ông L. Ngoài ra, quy định chung của trường về việc chi trả lương cho các giảng viên được thực hiện bằng cách thư ký khoa sẽ nhận tiền lương từ phòng tài chính về để chi trả cho các giảng viên.

Tại biên bản lấy khai ngày 22/8/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ông T trình bày:

Ông T bắt đầu thử việc tại Trường T từ tháng 01/2009, đến tháng 08/2009 thì ký kết hợp đồng không xác định thời hạn. Từ tháng 08/2010 ông T bắt đầu đi học tiến sỹ, đến ngày 22/7/2014 ông T trở về trường tiếp tục làm việc. Công việc của ông T tại trường là giảng dạy tại Khoa Kỹ thuật công trình, kèm theo một số công việc hành chính do trường giao, khi vào làm việc ông T hoàn toàn làm các công việc mới chứ không thay thế cho bất kỳ ai. Ngoài ra, ông T xác định trường đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm và tiền lương hàng tháng cho mình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Trường T có người đại diện theo ủy quyền là ông H xác định nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 04/4/2014 và nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể:

Rút yêu cầu tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm và các khoản khác nhà trường phải trả cho một nhân sự khác (bà H và ông T) làm thay công việc của ông L trong thời gian ông L đi học là: 139.007.233 đồng.

Rút yêu cầu tranh chấp về tiền lương cho 94 tháng làm việc còn lại mà ông L phải thực hiện nhưng vì không thực hiện nên trường phải trả cho một nhân sự khác thay thế: 94 tháng x 13.284.000đ/tháng (lương 01 tháng Trường phải trả cho 01 giảng viên có trình độ tương đương với ông L) = 1.248.696.000đ.

Hiện tại nguyên đơn chỉ còn yêu cầu ông L phải trả số tiền bảo hiểm xã hội mà Trường đã đóng cho ông L trong suốt quá trình đi học nước ngoài của ông L là: 31.231.043 đồng. Ngoài ra, Trường T không có yêu cầu nào khác đối với bị đơn là ông L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung tranh chấp còn lại là số tiền bảo hiểm xã hội

mà Trường đã đóng cho ông L trong suốt quá trình đi học nước ngoài của ông L là 31.231.043 đồng, cụ thể nội dung thỏa thuận như sau:

- Ông L có nghĩa vụ trả cho Trường T số tiền 31.231.043 đồng;

- Trường T có nghĩa vụ trả lại cho ông L sổ bảo hiểm xã hội số 0202034025 có xác nhận Trường T đã đóng đủ tiền bảo hiểm xã hội cho ông L đến hết tháng 09 năm 2010, căn cứ theo Bản tổng hợp toàn bộ quá trình đóng BHXH, BHTN ngày 27/8/2012 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là Luật sư H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu rút một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự .

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm:

Đây là vụ án tranh chấp về bồi thường thiệt hại, có đương sự ở nước ngoài. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3, Điều 33; Điều 34 Bộ Luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2011) và Khoản 3, Điều 35; Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu mà nguyên đơn đã rút. Đối với việc nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết nội dung còn lại là tiền bảo hiểm xã hội 31.231.043 đồng như đã nêu trên, nhận thấy việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 07/6/2013, Trường T nộp đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2013, tranh chấp bồi thường thiệt hại đối với bị đơn là ông L. Đây là tranh chấp về lao động, bị đơn có địa chỉ cư trú tại nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3, Điều 33; Điều 34 Bộ Luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2011) và Khoản 3, Điều 35; Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện vụ án:

Thời điểm ông L nộp đơn xin nghỉ việc là ngày 06/01/2013. Ngày 05/6/2013 Trường T nộp đơn khởi kiện. Xét thấy việc khởi kiện của nguyên đơn là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 202 Bộ luật Lao động 2012.

[3] Về việc vắng mặt người làm chứng là ông T và ông D:

Xét thấy, trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của ông T và ông D tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến nội dung vụ án và sự vắng mặt của người làm chứng tại phiên tòa không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại Điều 229 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy, việc rút một phần đơn khởi kiện của nguyên là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xem xét đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu mà nguyên đơn đã rút.

[5] Về việc các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết nội dung tranh chấp còn lại của vụ án là số tiền bảo hiểm xã hội mà Trường T đã đóng cho ông L trong suốt quá trình đi học nước ngoài của ông L là: 31.231.043 đồng:

Xét thấy sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội đồng thời theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết ghi nhận sự thỏa thuận để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

[6] Về án phí lao động sơ thẩm:

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đề nghị tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

Do đó, tiền án phí nguyên đơn phải chịu là 31.231.043 đồng x 3% = 936.931 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3, Điều 33; Điều 34 Bộ Luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2011);

- Khoản 3, Điều 35; Điều 37; Điều 229; Điều 243; Điều 244; Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 130; Điều 202 Bộ luật Lao động 2012;

- Pháp lệnh án phí; lệ phí tòa án năm 2009;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Trường T về việc yêu cầu ông L bồi thường số tiền là 200.000.000 đồng do nhà trường phải tìm kiếm nhân sự khác để đào tạo thay thế ông L; gây tâm lý không ổn định trong cán bộ giáo viên, tạo ảnh hưởng không tốt đối với môi trường làm việc của Trường, ảnh hưởng đến tư tưởng công tác của cán bộ giáo viên Khoa.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Trường T về việc yêu cầu ông L bồi thường số tiền là 100.000.000 đồng do tự ý nghỉ việc, vi phạm hợp đồng làm việc và cam kết với nhà trường đã làm mất thời gian, công sức, ảnh hưởng đến công việc của các bộ phận có liên quan; đồng thời gây tổn thất kinh phí của Trường trong việc thực hiện thủ tục, hồ sơ để giải quyết vụ việc.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Trường T về việc tranh chấp tiền lương, bảo hiểm và các khoản khác nhà trường phải trả cho một nhân sự khác (bà Lê Thị Hạnh và ông T) làm thay công việc của ông L trong thời gian ông đi học là: 139.007.233 đồng.

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Trường T về việc tranh chấp về tiền lương cho 94 tháng làm việc còn lại mà ông L phải thực hiện nhưng vì không thực hiện nên trường phải trả cho một nhân sự khác thay thế: 94 tháng x 13.284.000đ/tháng (lương 01 tháng Trường phải trả cho 01 giảng viên có trình độ tương đương với ông L) = 1.248.696.000 đồng.

5. Công nhận sự thỏa thuận của Trường T và ông L như sau:

- Ông L có nghĩa vụ trả cho Trường T số tiền 31.231.043 đồng (Ba mươi mốt triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn không trăm bốn mươi ba đồng);

- Trường T có nghĩa vụ trả lại cho ông L sổ bảo hiểm xã hội số 0202034025 có xác nhận Trường T đã đóng đủ tiền bảo hiểm xã hội cho ông L đến hết tháng 09 năm 2010, căn cứ theo Bản tổng hợp toàn bộ quá trình đóng BHXH, BHTN ngày 27/8/2012 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thi hành các thỏa thuận trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Án phí lao động sơ thẩm:

Trường T phải chịu án phí là 936.931 đồng (Chín trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng), được cấn trừ số tiền tạm ứng án phí Trường T đã nộp là 14.486.960 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi đồng) theo biên lai thu số AG/2010/06779 ngày 14/04/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại cho Trường T số tiền 13.550.029 đồng (Mười ba triệu năm trăm năm mươi nghìn không trăm hai mươi chín đồng).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự Tp.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng